ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÂN KHU SỐ 8C, PHƯỜNG 8, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH

GHI CHÚ:

- DIỆN TÍCH QUY HOẠCH THU HỒI ĐẤT KHOẢNG: 11,86Ha (Bao gồm thu hồi phần đường và 02 bên đường bình quân mỗi bên là 40m).
- DIỆN TÍCH NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH KHOẢNG: 23,63Ha
- LỘ GIỚI ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II: 40m

KÝ HIỆU

- ĐẤT TRUNG TÂM CC - DỊCH VỤ - HỖN HỢP
- ĐẤT CC - DV, HỖN HỢP ĐƠN VỊ Ở
- ĐẤT TRƯỜNG THCS, TIỂU HỌC, MN
- ĐẤT TRƯỜNG THPT
- ĐẤT HIỆN TRẠNG
- ĐẤT Ở - MẬT ĐỘ CAO
- ĐẤT Ở MĐ THẤP
- ĐẤT CÂY XANH
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- MẶT NƯỚC (KÊNH RẠCH)
- ĐẤT KHO TÀNG
- ĐẤT CN, TT CÔNG NGHIỆP
- ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN
- ĐẤT TÔN GIÁO, DI TÍCH
- KHU NÔNG NGHIỆP CN CAO
- TRUNG TÂM Y TẾ
- TRUNG TÂM HC PHƯỜNG
- TRUNG TÂM GD - TRƯỜNG THPT
- TRUNG TÂM DV HỖN HỢP, KHU VỰC
- KÝ HIỆU LÔ / DIỆN TÍCH HA / TẦNG CAO / MẬT ĐỘ XD
- GIAO THÔNG HIỆN TRẠNG
- GIAO THÔNG QUY HOẠCH MỚI
- RANH QUY HOẠCH

SO SÁNH BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI CỦA PHÂN KHU SỐ 8C

STT	Loại đất	Trước Điều chỉnh		Sau điều chỉnh		Tăng, giảm
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	diện tích (ha)
	A. ĐẤT DÂN DỤNG	389.630		389.540		(0.090)
I	ĐẤT CTCC-TM-DV-HH	78.500	13.89	78.480	13.89	(0.020)
1	Đất CTCC-TM-DV hỗn hợp	26.910	4.76	26.910	4.76	-
	- Đất Hỗn hợp	26.910		1.280		(25.630)
2	Đất giáo dục	10.890		10.890		-
	Đất giáo dục	10.890		10.890		-
3	Đất cây xanh - TDTT	40.700		40.680		(0.020)
	Đất cây xanh cảnh quan	5.200		6.020		
	Đất công viên, hoa viên	35.500		34.660		
II	ĐẤT Ở	311.130		311.060		(0.070)
	- Đất ở cải tạo, chỉnh trang	61.550		61.550		-
	- Đất ở dân dụng	249.580		249.510		(0.070)
	B. ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	76.720	13.58	76.720	13.58	-
I	ĐẤT TÔN GIÁO	9.650		9.650		-
	Chùa Khmer (Pem Buôl)	0.650		0.650		
	Cơ sở từ thiện Phật Học	9.000		9.000		-
II	ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ	0.100		0.100		-
	Trạm y tế Phường 8	0.100		0.100		
III	ĐẤT CÔNG NGHIỆP	55.800		55.800		-
	Khu trung tâm công nghiệp	55.800		55.800		
IV	ĐẤT KHO - XƯỞNG SẢN XUẤT	11.120		11.120		
	Khu lò mổ tập trung	1.240		1.240		
	Nhà máy đường	9.880		9.880		
V	ĐẤT AN NINH QUỐC PHÒNG	0.050		0.050		-
	Trụ sở công an Phường 8	0.050		0.050		-
	C. ĐẤT KHÁC	98.650		98.740		0.090
I	ĐẤT GIAO THÔNG	74.170	13.13	74.260	13.14	0.090
II	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	9.680	1.71	9.680	1.71	-
	Khu Nông nghiệp công nghệ cao	9.680		9.680		-
III	ĐẤT MẶT NƯỚC	7.300	1.29	7.300	1.29	-
IV	ĐẤT DỰ PHÒNG PHÁT TRIỂN	7.500		7.500		-
	TỔNG CỘNG	565.000	43.61	565.000	43.62	0.000

KÝ HIỆU:

- TIM ĐƯỜNG THEO PHÂN KHU ĐƯỢC DUYỆT
- TIM ĐƯỜNG ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ
- RANH GIỚI KHU VỰC ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ
- RANH GIỚI QUY HOẠCH PHÂN KHU

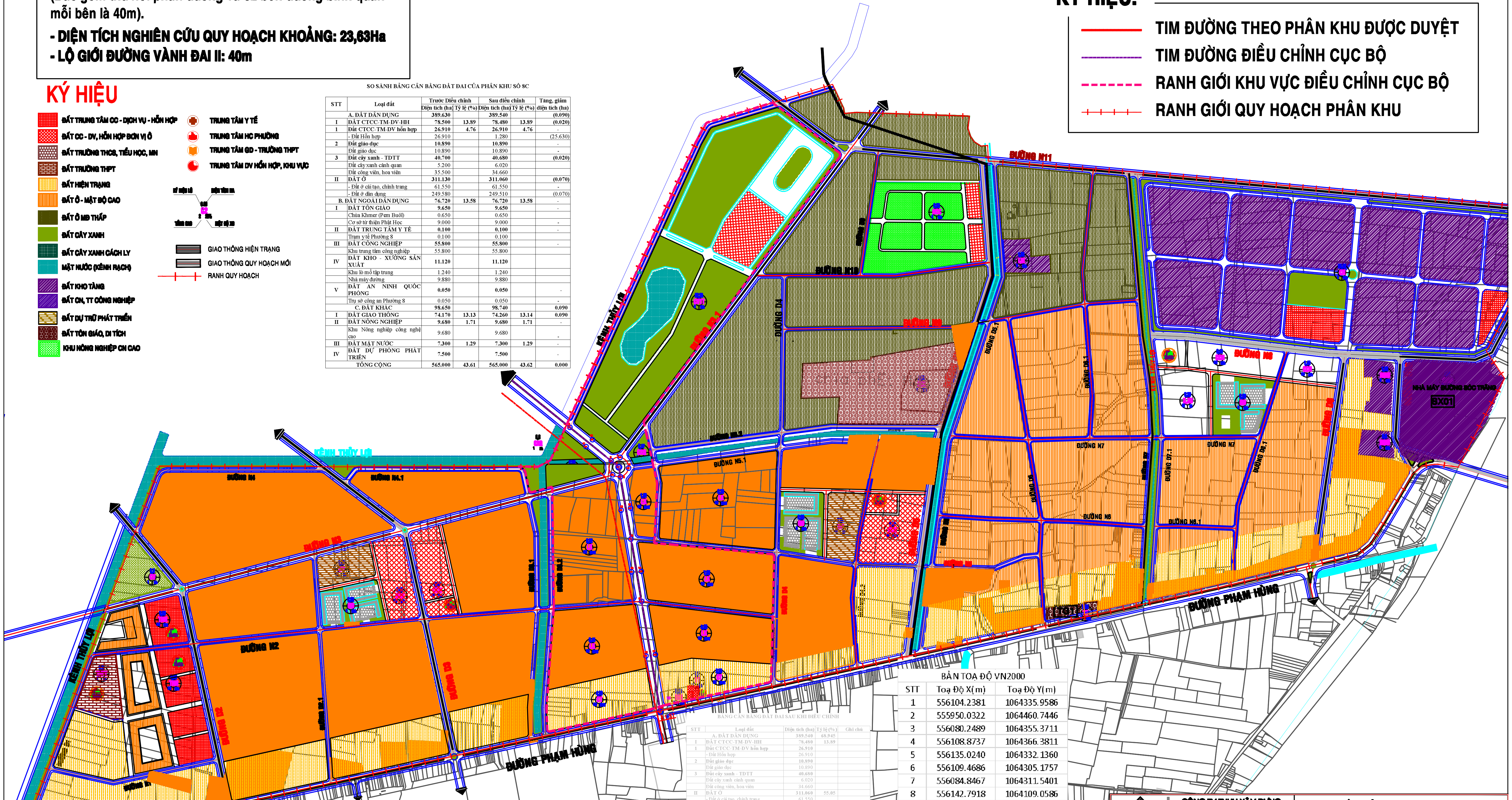

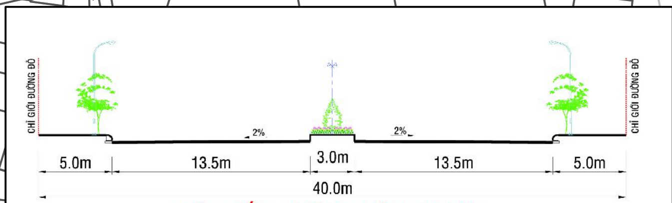

MẶT CẮT ĐƯỜNG VÀNH ĐAI II

BẢNG CÂN BẰNG ĐẤT ĐAI SAU KHI ĐIỀU CHỈNH

STT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
	A. ĐẤT DÂN DỤNG	389.540	68.945	
I	ĐẤT CTCC-TM-DV-HH	78.480	13.89	
1	Đất CTCC-TM-DV hỗn hợp	26.910		
	- Đất Hỗn hợp	26.910		
2	Đất giáo dục	10.890		
	Đất giáo dục	10.890		
3	Đất cây xanh - TDTT	40.680		
	Đất cây xanh cảnh quan	6.020		
	Đất công viên, hoa viên	34.660		
II	ĐẤT Ở	311.060	55.05	
	- Đất ở cải tạo, chỉnh trang	61.550		
	- Đất ở dân dụng QH mới	249.510		
	B. ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	76.720	13.579	
I	ĐẤT TÔN GIÁO	9.650	1.71	
	Chùa Khmer (Pem Buôl)	0.650		
	Cơ sở từ thiện Phật Học	9.000		
II	ĐẤT TRUNG TÂM Y TẾ	0.100	0.02	
	Trạm y tế Phường 8	0.100		
III	ĐẤT CÔNG NGHIỆP	55.800	9.88	
	Khu trung tâm công nghiệp	55.800		
IV	ĐẤT KHO - XƯỞNG SẢN XUẤT	11.120	1.97	
	Khu lò mổ tập trung	1.240		
	Nhà máy đường	9.880		
V	ĐẤT AN NINH QUỐC PHÒNG	0.050	0.01	
	Trụ sở công an Phường 8	0.050		
	C. ĐẤT KHÁC	98.740	17.476	
I	ĐẤT GIAO THÔNG	74.260	13.14	
II	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	9.680	1.71	
	Khu Nông nghiệp công nghệ cao	9.680		
III	ĐẤT MẶT NƯỚC	7.300	1.29	
IV	ĐẤT DỰ PHÒNG PHÁT TRIỂN	7.500	1.33	
	TỔNG CỘNG	565.000	100.000	

BẢN TOẠ ĐỘ VN2000

STT	Toạ Độ X(m)	Toạ Độ Y(m)
1	556104.2381	1064335.9586
2	555950.0322	1064460.7446
3	556080.2489	1064355.3711
4	556108.8737	1064366.3811
5	556135.0240	1064332.1360
6	556109.4686	1064305.1757
7	556084.8467	1064311.5401
8	556142.7918	1064109.0586
9	556176.1510	1063912.7297
10	556021.4149	1064422.2765
11	556001.1058	1064400.1189
12	556141.4980	1064206.2177
13	556112.1260	1064199.9912
14	556175.2859	1064007.3656
15	556145.2000	1064005.6000
16	556190.0704	1063741.2649
17	556219.9052	1063744.7679
18	556235.1928	1063565.2529

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG HUỲNH TÀI LỘC ĐỊA CHỈ: 178/13/13, ĐƯỜNG DƯƠNG MINH QUAN KHÓM 8, PHƯỜNG 3, TP. SÓC TRĂNG			ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CỤC BỘ PHÂN KHU SỐ 8C, PHƯỜNG 8, THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG TỈNH SÓC TRĂNG, TỶ LỆ 1/2000	
GIÁM ĐỐC		HUỲNH THANH BẰNG	BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT SAU KHI ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH	
CHỦ TRÌ TK		TRẦN DƯƠNG		
THIẾT KẾ		NGUYỄN LƯU BẢO	TL: 1/500	ĐCCB QHPK — QHSDĐ
VẼ		NGUYỄN LƯU BẢO		2022 — 02 / 02
KIỂM TRA		TRẦN DƯƠNG	SỐ BỘ:	PHÁT HÀNH LẦN: 1 — ≤ = 02